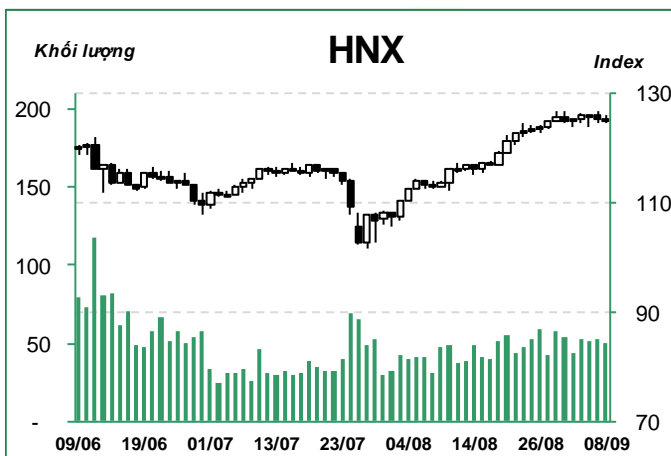
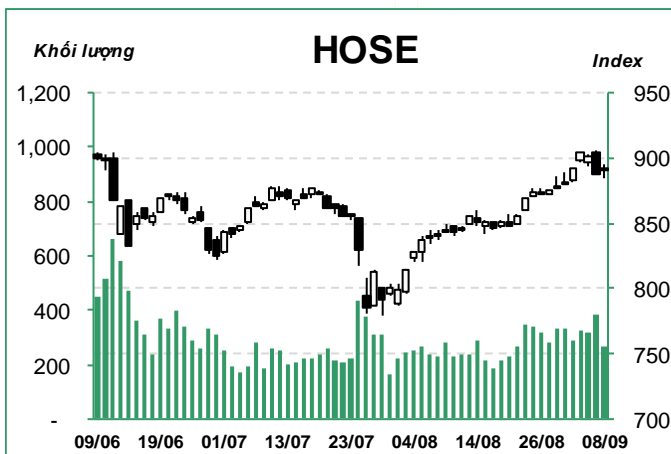


## Tổng quan thị trường

08/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>890.14</b>	<b>0.21%</b>	<b>827.57</b>	<b>0.39%</b>	<b>124.80</b>	<b>-0.50%</b>
Cuối tuần trước	901.54	-1.26%	840.54	-1.54%	126.15	-1.07%
Trung bình 20 ngày	872.28	2.05%	809.94	2.18%	122.78	1.64%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>294.02</b>	<b>-32.26%</b>	<b>93.34</b>	<b>-18.49%</b>	<b>55.54</b>	<b>-2.91%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>266.88</b>	<b>-30.29%</b>	<b>81.33</b>	<b>-17.22%</b>	<b>50.45</b>	<b>-3.64%</b>
Trung bình 20 ngày	289.34	-7.76%	80.88	0.56%	49.68	1.55%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>5,788.10</b>	<b>-23.72%</b>	<b>2,934.11</b>	<b>-16.54%</b>	<b>682.78</b>	<b>-0.17%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>4,766.68</b>	<b>-25.87%</b>	<b>2,429.79</b>	<b>-17.48%</b>	<b>608.05</b>	<b>-5.18%</b>
Trung bình 20 ngày	5,010.69	-4.87%	2,279.22	6.61%	582.94	4.31%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	249	53%	18	60%	94	26%
<b>Số mã giảm</b>	160	34%	9	30%	73	21%
<b>Số mã đứng giá</b>	64	14%	3	10%	189	53%



Sau phiên giảm điểm mạnh hôm qua, tâm lý nhà đầu tư có phần thận trọng hơn. Điều này đã khiến các chỉ số giao dịch giảm co trong suốt phiên giao dịch với thanh khoản trên cả 2 sàn đều giảm đi so với phiên trước. Mặc dù vậy, so với trung bình, dòng tiền chảy vào thị trường vẫn khá tốt.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa trong sắc xanh tại mức 890.14 điểm (+0.21%). Thanh khoản sụt giảm với KLGD khớp lệnh đạt 266.9 triệu cổ phiếu (-30.3%), tương đương 4,767 tỷ đồng giá trị (-25.9%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua với số mã tăng chiếm ưu thế (249 mã tăng so với 160 mã giảm).

Becamex IDC-BCM (+6.9%) với phiên tăng trần thứ 6 liên tiếp là động lực tăng điểm chính cho VN-Index trong hôm nay. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu trụ khác cũng đảo chiều tăng điểm tốt như Vietinbank-CTG (+2.2%), Vincom Retail-VRE (+2.2%) hay Thế giới di động-MWG (+3.1%). Ở chiều ngược lại, Vietcombank-VCB (-1.3%), Vingroup-VIC (-1.1%), Vinamilk-VNM (-1.4%) và Vinhomes-VHM (-0.8%) gây áp lực chính cho chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HoSE với giá trị 411.0 tỷ đồng. Lực bán tập trung ở các cổ phiếu vốn hóa lớn như Vingroup-VIC (-107.6 tỷ), Vinamilk-VNM (-76.1 tỷ) và Vietcombank-VCB (-75.2 tỷ). Trong khi đó, Petrolimex-PLX (+24.2 tỷ), Vincom Retail-VRE (+17.2 tỷ), Sabeco-SAB (+8.7 tỷ) được khối này mua vào nhiều nhất.

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VNM	1,381.1	172.45
TCB	5,460.9	115.43
VIC	870.0	81.95
NVL	690.0	42.37
SAM	3,118.4	32.06
VPB	1,200.0	25.20
VRE	828.0	23.15
PDR	580.7	17.75
CTI	1,120.0	15.68
SBT	1,001.3	14.92
<b>HNX</b>		
SHB	2,709.2	37.39
QHD	720.0	15.70
SHS	1,025.1	11.70
GKM	378.7	6.34
VHL	109.3	2.30
TIG	100.0	0.67
NDN	26.1	0.37
VIT	23.0	0.27

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng giao dịch giằng co nhưng lực cầu có phần yếu hơn. Chỉ số giảm nhẹ và đóng cửa tại mức 124.80 điểm (-0.50%). KLGD khớp lệnh đạt 50.5 triệu cổ phiếu (-3.6%), tương đương 608.0 tỷ đồng giá trị (-5.2%).

Sau 4 phiên tăng liên tiếp, Thaiholdings-THD (-8.9%) đảo chiều giảm điểm trở lại, cùng với Ngân hàng Á Châu-ACB (-1.0%) là 2 cổ phiếu gây sức ép chính cho chỉ số chung. Ở chiều ngược lại, Vinaconex-VCG (+1.1%), Vicostone-VCS (+1.5%) và Dầu khí PTSC-PVS (+1.6%) là những trụ cột giúp chỉ số không giảm điểm sâu.

Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng 0.8 tỷ đồng (-49.4%) trên sàn HNX hôm nay. Trong đó, Idico-IDC (-1.4 tỷ), Cảng Đoạn Xá-DXP (-1.3 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội-SHS (-1.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ngược lại, Vicostone-VCS (+5.8 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (+2.1 tỷ), Vinaconex-VCG (+0.6 tỷ) được dòng tiền khối ngoại hướng đến.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền có sự thận trọng trở lại. Không những vậy, chỉ số hồi phục với cây nến thân nhỏ và nằm dưới MA5, cho thấy phiên hồi phục chưa đủ tin cậy để rũ bỏ hết áp lực chốt lời tại vùng kháng cự 900-905 điểm và chỉ số có thể còn chịu sức ép điều chỉnh rung lắc trong những phiên tới. Tuy nhiên, về mặt xu hướng ngắn hạn của chỉ số vẫn là phục hồi, với chòm MA5,10,20 trong trạng thái phân kỳ dương tích cực. Do đó, áp lực điều chỉnh hiện tại có thể chỉ mang tính kỹ thuật với vùng hỗ trợ gần quanh ngưỡng 880 điểm (vùng đỉnh tháng 7/2020) và xa hơn có thể quanh 867-868 điểm (MA20 và 200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều. Chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp và nằm dưới MA5, cho thấy áp lực điều chỉnh đang gia tăng, chỉ số có thể suy yếu về vùng hỗ trợ xu hướng quanh 122 điểm (đỉnh tháng 6/2020). Nhìn chung, thị trường có thể vẫn cần một nhịp điều chỉnh rũ bỏ nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi chính bền vững hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HAR	3.7	1,200.8	7.0%
BCM	47.0	186.5	6.9%
TNC	23.1	7.1	6.9%
PAN	21.7	724.1	6.9%
DTL	10.9	0.0	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CLW	26.6	0.1	-7.0%
DAT	47.4	6.6	-7.0%
VAF	9.1	0.0	-7.0%
CCI	13.5	0.0	-6.9%
UDC	5.3	166.9	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.7	300.9	0.6%
VNM	124.2	226.2	-1.4%
GEX	25.9	193.0	-0.2%
VCB	82.5	164.2	-1.3%
NVL	62.7	145.4	-0.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	24.7	12,260.1	0.6%
HQC	1.7	10,195.3	0.0%
HAG	4.6	7,470.8	0.2%
GEX	25.9	7,462.5	-0.2%
HSG	11.7	7,023.5	0.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	0.9	92.7	12.5%
SVN	2.2	109.6	10.0%
PTS	6.6	63.5	10.0%
VNT	61.4	0.3	9.8%
PMP	10.1	0.2	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BII	0.9	491.6	-10.0%
VTJ	4.5	16.7	-10.0%
CET	2.7	8.8	-10.0%
VDL	25.2	0.1	-10.0%
POT	13.1	0.4	-9.7%

#### Top 5 giá trị

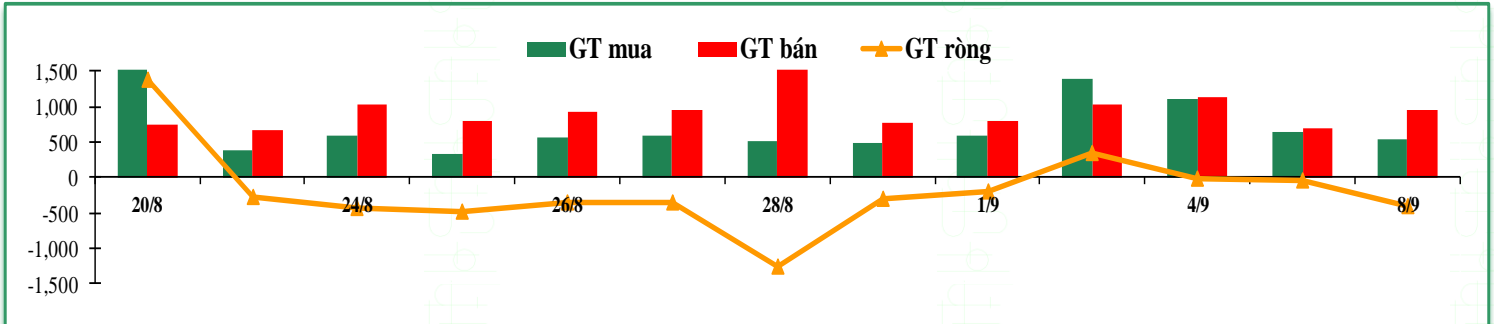
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	20.6	254.0	-1.0%
SHB	13.8	33.2	0.0%
SHS	11.4	25.8	0.0%
TIG	7.1	22.9	6.0%
PVS	12.5	21.8	1.6%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	20.6	12,273.5	-1.0%
TIG	7.1	3,302.1	6.0%
KLF	1.7	3,263.2	0.0%
SHB	13.8	2,420.2	0.0%
NVB	8.3	2,365.1	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	520.1	10.9%	931.1	19.5%	-411.0
HNX	12.6	2.1%	11.8	1.9%	0.8
<b>Tổng số</b>	<b>532.6</b>		<b>942.9</b>		<b>-410.3</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	124.2	192.2	-1.4%
VRE	28.3	60.6	2.2%
HPG	24.7	57.6	0.6%
PLX	51.2	25.7	0.2%
SAB	191.2	13.9	-0.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	124.2	268.3	-1.4%
HPG	24.7	116.8	0.6%
VIC	90.5	115.3	-1.1%
VCB	82.5	80.7	-1.3%
VHM	78.5	71.6	-0.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	51.2	24.2	0.2%
VRE	28.3	17.2	2.2%
SAB	191.2	8.7	-0.5%
KBC	13.7	6.8	1.5%
DPM	16.3	6.6	1.3%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	67.0	7.6	1.5%
TIG	7.1	2.4	6.0%
VCG	37.1	0.6	1.1%
IDV	49.1	0.4	0.0%
BVS	10.7	0.4	-0.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	67.0	1.7	1.5%
IDC	23.2	1.4	0.0%
DXP	12.3	1.3	7.0%
SHS	11.4	1.2	0.0%
BVS	10.7	1.1	-0.9%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	67.0	5.8	1.5%
TIG	7.1	2.1	6.0%
VCG	37.1	0.6	1.1%
IDV	49.1	0.3	0.0%
PVB	17.9	0.2	0.6%

## Tin trong nước

### **Tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ Frontier Markets giảm nhẹ sau kỳ review tháng 8**

So với thời điểm cuối tháng 7, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index gần như không thay đổi, nhưng so với thời điểm kỳ review tháng 5 thì giảm khoảng 1,06%.

Theo tin từ MSCI, sau đợt cơ cấu tháng 8 vừa qua, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index là 17,19%, lớn thứ 2 trong danh mục, sau thị trường Kuwait với 36,55%.

So với thời điểm cuối tháng 7, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index gần như không thay đổi, nhưng so với thời điểm kỳ review tháng 5 thì giảm khoảng 1,06%.

Theo ước tính của MSCI, tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index sẽ tăng lên 25,2% và số lượng cổ phiếu lên con số 16 khi Kuwait được nâng hạng thị trường Emerging Markets. Trong tháng 5 vừa qua, do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đã khiến quá trình nâng hạng Emerging Markets của Kuwait bị chậm lại và bị dời sang tháng 11. Do đó, chúng ta có thể kỳ vọng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets Index sẽ tăng mạnh trong giai đoạn cuối năm nay.

Rổ MSCI Frontier Markets Index hiện có sự góp mặt của 89 cổ phiếu. Trong top 10 cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất danh mục có 3 cái tên đến từ Việt Nam, bao gồm VIC (3,14%), VNM (3,05%) và VHM (2,67%).

Với rổ MSCI Frontier Markets 100 Index, thị trường Việt Nam chiếm tỷ trọng 12,18% sau kỳ review tháng 8, thấp hơn 1,27% so với kỳ review trước đó vào tháng 5.

Theo đánh giá của MSCI, tỷ trọng Việt Nam trong rổ MSCI Frontier Markets 100 Index sẽ lên tới 30% khi Kuwait được nâng hạng Emerging Markets vào tháng 11 tới đây.

Trong các quỹ sử dụng benchmark MSCI Frontier Markets 100 Index đáng chú ý nhất có iShare MSCI Frontier 100 ETF với quy mô danh mục tại ngày 4/9 đạt 376 triệu USD. Từ đầu năm tới nay, lượng vốn rút ra khỏi quỹ lên tới hơn 50 triệu USD.

Tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam chiếm 12,12% (khoảng 46 triệu USD) danh mục iShare MSCI Frontier 100 ETF và hiện không có cổ phiếu Việt Nam nào nằm trong top 10 danh mục quỹ.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tạm ứng cổ tức tiền mặt 10%**

HDQT CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (HoSE: THG) thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2020, tỷ lệ 10% (1 cổ phiếu nhận được 1.000 đồng).

Với 14,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi 14,5 tỷ đồng để trả cổ tức. Ngày đăng ký cuối cùng là 24/9, tương đương với ngày giao dịch không hưởng quyền là 23/9. Ngày thực hiện thanh toán là 7/10.

Năm nay, công ty lên kế hoạch trả cổ tức tỷ lệ 40%

Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang có lợi nhuận sau thuế bán niên đột biến gần 92 tỷ đồng, giúp lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 6.521 đồng. Bên cạnh lợi nhuận ổn định từ hoạt động xây dựng công trình và bán bê tông, công ty năm nay còn có thêm nguồn thu lớn từ hoạt động cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Cụm công nghiệp Gia Thuận 1. Sau nửa năm, doanh nghiệp hoàn thành 80% kế hoạch lợi nhuận.

### **Khahomex chốt quyền chia cổ tức tiền mặt 67%**

Công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Khánh Hội (Khahomex, UPCoM: KHA) vừa thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chia cổ tức đến hết năm 2019 và tạm ứng cổ tức năm 2020 với tổng tỷ lệ 67%. Với gần 14 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty sẽ chi số tiền gần 94 tỷ đồng.

Trong đó công ty sẽ chia cổ tức đến hết năm 2019 tỷ lệ 47%, tương đương 65,6 tỷ đồng. Nguồn tiền được lấy từ phần lợi nhuận chưa phân phối đến hết năm 2019 là 66 tỷ đồng. Phần tạm ứng cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 20%, tương ứng số tiền 28 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 16/9 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 28/9.

Năm ngoái, Khahomex ghi nhận tổng doanh thu hơn 88 tỷ đồng, giảm 10% và lợi nhuận sau thuế 25,5 tỷ đồng, giảm 39% so với năm 2018. Năm 2020, công ty lên kế hoạch doanh thu hợp nhất 79 tỷ và lợi nhuận trước thuế 43,3 tỷ đồng; mức cổ tức dự kiến 10-30%.

Báo cáo tài chính bán niên 2020 cho thấy doanh thu thuần giảm 17% còn hơn 25 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế cải thiện lên 29 tỷ đồng, so với mức lỗ hơn 1 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 24 tỷ đồng.

Lần gần đây nhất vào cuối năm 2018, Khahomex cũng từng chi tạm ứng cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%, tạm ứng cổ tức đợt 1/2018 bằng tiền tỷ lệ 5% và trả cổ tức bổ sung năm 2017 bằng tiền tỷ lệ 110%. Tổng tỷ lệ chi trả trong năm 2018 lên đến 125% bằng tiền.



## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	SAB	Chốt lời	09/09/20	191.2	183	4.5%	206	12.6%	177	-3.3%	Tín hiệu suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HAH	Quan sát mua	09/09/20	12.2	13.7-14.7	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ tích cực với vol giảm dần + có phiên tăng tốt lại sau phiên giảm mạnh vol cao, khả năng phiên này có thể là phiên gom hàng -> cần tiếp phiên tăng đóng cửa vượt 12.3
2	VCS	Quan sát mua	09/09/20	67	74-75.5	Nhịp điều chỉnh retest MA200 tích cực với vol thấp -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
3	PPC	Quan sát mua	09/09/20	23.8	25   26.3	Nhịp điều chỉnh retest vùng tích lũy tích cực với vol giảm thấp dần + MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm quay lại nhịp tăng
4	CMG	Quan sát mua	09/09/20	35.5	40	Nhịp tích lũy tích cực với vol giảm thấp dần + MACD về gần Signal -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
5	PVB	Quan sát mua	09/09/20	17.9	20   22-23	Nhịp điều chỉnh tích cực với nền và vol nhỏ dần + MACD về gần Signal -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FMC	Nắm giữ	18/08/20	32.6	27.7	17.7%	34.6	24.9%	26.7	-4%	
2	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.4	33.45	20.8%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
3	VRE	Mua	27/08/20	28.3	27.2	4.0%	28.6	5%	26.6	-2%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền (*)	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 08/09/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,350	-3.6 %	-12%	1,709	99	73,100	134	(1,216)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,610	3.0 %	45%	736	62	49,500	856	(9,754)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,710	11.0 %	14%	1,833	51	49,500	1,242	(468)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,580	-1.3 %	-7%	28,769	45	49,500	1,232	(348)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,390	7.8 %	-7%	7,441	128	49,500	627		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	720	1.4 %	-33%	160	27	29,400	534	(186)	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,570	0.8 %	18%	14,836	30	29,400	2,381	(189)	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,110	-1.2 %	429%	708	23	24,650	5,686	(5,424)	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,960	-0.5 %	164%	232	8	24,650	1,322	(2,638)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,790	-0.5 %	-8%	20,726	83	24,650	55	(3,735)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,890	-0.3 %	143%	6,956	51	24,650	1,128	(2,762)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,520	-5.8 %	-10%	77	132	24,650	636	(4,884)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,790	-1.6 %	-2%	1,574	84	24,650	1,243	(5,547)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,640	-3.4 %	-8%	2,104	223	24,650	1,524	(5,116)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,030	-2.6 %	-10%	845	174	24,650	1,036	(4,994)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,420	-6.0 %	-7%	25,024	90	54,800	591	(829)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,300	-0.4 %	5%	2,510	128	24,650	183	(2,117)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,130	3.9 %	28%	29,370	73	59,800	1,432	(698)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CSTB2008	1,500	1,830	0 %	22%	23,526	73	11,250	1,136	(694)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,350	-6.8 %	30%	20,728	90	124,200	1,803	(547)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2009	1,630	2,050	-9.3 %	26%	8,921	73	22,900	1,425	(625)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,250	-2.3 %	-38%	1,085	62	17,800	319	(931)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	48	17,800	1	1	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,040	1.0 %	-5%	10,859	51	17,800	689	(351)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,240	-2.4 %	-11%	3,016	128	17,800	667		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	560	-23.3 %	-76%	28,034	99	54,800	7	(553)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	40	-20.0 %	-98%	22,201	8	54,800	(0)	(40)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	670	17.5 %	-68%	21,773	51	54,800	4	(666)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,320	1.5 %	-31%	9,898	128	54,800	418		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	2,970	-10.5 %	19%	675	23	93,100	804	(2,166)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	220	-18.5 %	-89%	405	48	93,100	0	(220)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,400	15.7 %	-12%	3,813	83	93,100	7,382	(4,018)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,190	14.4 %	-8%	24,026	49	93,100	848	(342)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,630	1.2 %	2%	28,106	45	93,100	1,426	(204)	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,780	10.6 %	27%	30,346	128	93,100	1,270		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	-	0 %	-100%	-	99	62,700	87	87	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,480	-1.6 %	24%	2,978	183	62,700	907	(1,573)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	400	0 %	-83%	5,580	23	59,800	(0)	(400)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	140	-22.2 %	-93%	200	48	59,800	0	(140)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	490	6.5 %	-51%	35,758	51	59,800	112	(378)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	830	1.2 %	-17%	20,396	128	59,800	349		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,440	-5.9 %	44%	29	51	36,700	1,365	(75)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,570	0 %	64%	7,390	45	36,700	2,437	(133)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,700	-5.6 %	31%	128	128	36,700	1,169		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	170	6.3 %	-83%	2,108	99	2,190	(0)	(170)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	500	-5.7 %	-83%	44	99	14,100	0	(500)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2002	1,700	1,160	0 %	-32%	15,511	99	11,250	224	(936)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	280	-3.5 %	-79%	57,923	8	11,250	148	(132)	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,130	0 %	-19%	13,408	83	11,250	543	(587)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	400	-2.4 %	-63%	21,047	56	11,250	37	(363)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	750	-6.3 %	-50%	2,100	209	11,250	212	(538)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	330	0 %	-84%	2,325	48	21,500	0	(330)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,600	1.3 %	-47%	3,702	83	21,500	485	(1,115)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,920	3.8 %	60%	21,282	51	21,500	1,788	(132)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,600	-5.9 %	-6%	2,401	128	21,500	1,020		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	910	-12.5 %	-71%	2	99	78,500	15	(895)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	7,720	-3.0 %	-33%	11,905	83	78,500	3,506	(4,214)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,140	-5.8 %	14%	23,178	51	78,500	880	(260)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	260	-13.3 %	-83%	6,922	27	78,500	0	(260)	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,040	-3.7 %	-26%	6,201	128	78,500	385		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	210	10.5 %	-91%	527	99	106,800	0	(210)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	520	-7.1 %	-73%	846	51	106,800	2	(518)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	130	8.3 %	-92%	13,292	27	106,800	0	(130)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	15,890	-9.7 %	-9%	345	83	124,200	7,805	(8,085)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,480	-7.1 %	65%	4,641	51	124,200	2,164	(316)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	420	-27.6 %	-73%	35,617	27	124,200	0	(420)	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,470	-11.5 %	-39%	10,592	183	124,200	280	(1,190)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,030	-8.6 %	13%	20,377	128	124,200	1,247		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,560	6.9 %	-54%	6,009	83	22,900	423	(1,137)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	990	11.2 %	-42%	22,080	51	22,900	383	(607)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,670	7.7 %	-7%	4,063	128	22,900	921		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	390	-2.5 %	-87%	63,976	99	28,300	1	(389)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,710	8.4 %	-32%	1,491	83	28,300	1,220	(1,490)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,410	0 %	28%	4,305	51	28,300	1,349	(61)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2007	1,520	700	6.1 %	-54%	18,210	209	28,300	195	(505)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,270	4.1 %	6%	5,552	128	28,300	766		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">VCB</a> (New)	HOSE	82,500	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a> (New)	HOSE	49,000	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a> (New)	HOSE	57,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a> (New)	HOSE	28,300	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,050	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	93,100	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	62,700	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	22,850	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	125,000	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	54,800	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	24,650	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	105,000	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	103,900	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	22,900	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	55,300	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,100	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	59,800	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	41,400	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	15,450	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	48,950	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)